

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HS-ST
Ngày 25 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Long Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh và ông Đỗ Đình Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sa Văn Quỳnh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 124/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 146/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Thị L, sinh ngày: 15/02/1972 tại huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức V – sinh năm: 1942 và bà Vũ Thị L (đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Công T – sinh năm: 1964 và có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2021 đến ngày 10/02/2021 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay; Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vi Thị Thu H, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La; Có mặt.

2. Ông Hà Trung P, sinh năm: 1956; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện V, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; Có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Huệ C, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; Có mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị S; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L không có nghề nghiệp, do háms lợi từ việc cho vay tiền nên L đã dùng tiền của gia đình để cho vay lấy lãi suất cao. Từ ngày 02/6/2020 đến ngày 01/8/2020 Nguyễn Thị L đã cho Vì Thị Thu H và Hà Trung P vay với lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tức là từ 146% đến 182,5%/năm, cao hơn gấp trên 5 lần của mức lãi suất cho vay tối đa là 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự) nhằm thu lợi bất chính số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 02/6/2020 H vay của L số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày (182,5%/ năm). Đến ngày 09/6/2020 (sau 8 ngày) H trả cho L 52.000.000 đồng (trong đó: 50.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi). Theo quy định của pháp luật L được hưởng lãi suất hợp pháp 20%/năm là 219.178 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 1.781.822 đồng.

- Ngày 06/6/2020 H vay của L số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày (182,5%/ năm). Đến ngày 08/6/2020 (sau 3 ngày) H trả cho L 71.000.000 đồng (trong đó: 70.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi). Theo quy định của pháp luật L được hưởng lãi suất hợp pháp 20%/năm là 115.068 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 884.932 đồng.

- Ngày 01/8/2020 H vay của L số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 4.000.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày (146%/ năm). Thời hạn vay đến ngày 01/9/2020 (sau 32 ngày) thì H phải trả lãi cho L là 50.000.000 đồng, L khấu trừ trước số tiền lãi là 50.000.000 đồng, đưa cho H 350.000.000 đồng và L viết giấy biên nhận H vay L số tiền 400.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật L được hưởng lãi suất hợp pháp 20%/năm là 7.014.068 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 42.986.000 đồng.

- Ngày 18/7/2020 P vay của L số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày (182,5%/ năm). Đến ngày 17/10/2020 (sau 95 ngày) P trả cho L số tiền 123.000.000 đồng (trong đó: 90.000.000 đồng tiền gốc và 33.000.000 đồng tiền lãi). Theo quy định của pháp luật L được hưởng lãi suất hợp pháp 20%/năm là 4.685.000 đồng, L thu lợi bất chính số tiền 28.315.000 đồng.

Như vậy, L đã cho H và P vay tổng số tiền là 610.000.000 đồng và lấy lãi là 86.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự số tiền L được phép thỏa thuận lãi hợp pháp đối với H và P tối đa là 20%/ năm là 12.033.246.000 đồng, L đã thu lợi bất chính số tiền 73.967.745 đồng.

Ngoài ra, từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 04/9/2020 L còn cho H vay tiền nhiều lần, tính đến ngày 04/9/2020 H còn nợ L là 570.000.000 đồng. Ngày 04/9/2020 L cộng hai khoản 570.000.000 đồng và 400.000.000 đồng (vay ngày 01/8/2020) thành 970.000.000 đồng, L tính lãi đến ngày 16/11/2020 là 391.000.000 đồng và yêu cầu H nhận nợ và viết giấy biên nhận 1.361.000.000 đồng. Ngày 28/9/2020 H còn vay của L số tiền 430.000.000 đồng, L tính lãi suất là 1%/ 1 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Thấy việc L tính lãi quá cao nên Vì Thị Thu H và Hà Trung P đã làm đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu. H đã giao nộp 01 tờ giấy A4 ghi nội dung tính lãi suất giữa L và H; 01 giấy vay nợ (phô tô) với số tiền 1.361.000.000 đồng giữa H và L; 01 tờ bìa quyển vở Hồng Hà bên trong có ghi nội dung vay tiền của L. P đã giao nộp 01 tờ giấy ghi tính lãi suất và trả tiền gốc.

Ngày 14/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Nguyễn Thị L. Kết quả khám xét thu giữ: 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 1.361.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 430.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc đại diện là Nguyễn Công T và Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn Hải, trú quán: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu vay số tiền 80.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 600.000.000 đồng; 01 bản tự khai của Nguyễn Thị L đề ngày 19/10/2020; 01 đơn khởi kiện của Nguyễn Thị L đề ngày 29/7/2020 và thu giữ số tiền 39.000.000 đồng tiền NHNNVN.

Ngày 28/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với các giấy tờ liên quan đến việc cho vay tiền của Nguyễn Thị L. Tại kết luận giám định số 459 ngày 03/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

Mẫu cần giám định: 01 tờ giấy A4 ghi nội dung tính lãi suất với Vì Thị Thu H, ký hiệu A1; 01 tờ giấy A4 ghi nội dung tính lãi suất với Hà Trung P, ký hiệu A2.

Mẫu cần so sánh: 01 bản tự khai, đề ngày 17/01/2021 của Nguyễn Thị L, ký hiệu M1; 01 bản tự khai, đề tháng 01/2021 của Nguyễn Thị L, ký hiệu M2; 01 bản tự khai, đề tháng 01/2021 của Nguyễn Thị L, ký hiệu M3; 01 bản tự khai, đề ngày 19/10/2020 của Nguyễn Thị L, ký hiệu M4; 01 đơn khởi kiện, đề ngày 29/7/2020 của Nguyễn Thị L, ký hiệu M5.

Kết luận giám định: Chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Nguyễn Thị L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là do cùng một người viết ra.

Đối với việc L khai vay của Nguyễn Thị Huệ C số tiền 700.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định C không biết việc L dùng số tiền đó cho H vay, C không đề nghị giải quyết việc vay nợ giữa C và L nên không đề cập đến biện pháp giải quyết.

Đối với số tiền 39.000.000 đồng thu giữ khi khám xét tại nhà ở của L. Quá trình điều tra xác định đó là tiền do Nguyễn Thị Huệ C gửi. Ngày 26/02/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã ra quyết định giao trả cho C quản lý sử dụng.

Đối với các giấy tờ thu giữ khi khám xét nhà L gồm: 01 giấy biên nhận ghi việc đại diện là Nguyễn Công T và Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn Hải, trú quán: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu vay số tiền 80.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 600.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây không phải là giấy tờ liên quan đến việc L cho vay nặng lãi nên không đề cập đến biện pháp xử lý.

Đối với số tiền mà L đã thu lãi của P là 33.000.000 đồng, ngày 24/02/2021 L đã trả cho P 28.315.000 đồng.

Ngày 17/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã kết luận điều tra và đề nghị truy tố đối với Nguyễn Thị L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu xét thấy hành vi của L đã thu lời bất chính thông qua việc cho vay tiền H và P là 73.967.745 đồng, đối với số tiền tính lãi 391.000.000 đồng với H thì L chưa thu lời.

Vì vậy, tại Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố bị can Nguyễn Thị L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L trình bày ý kiến, giữ nguyên lời khai của mình, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Bị cáo nhận tội như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị L để sung ngân sách nhà nước các khoản tiền sau: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) khoản tiền vay gốc; 12.033.246 đồng (Mười hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm; 42.986.000 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội. Tổng cộng số tiền truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị L là 265.019.246 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

- Truy thu đối với chị Vì Thị Thu H để sung ngân sách nhà nước khoản tiền vay gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Huệ C quản lý sử dụng.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 bản tự khai của Nguyễn Thị L đề ngày 19/10/2020; 01 đơn khởi kiện của Nguyễn Thị L đề ngày 29/7/2020.

- Trả lại cho Nguyễn Thị L 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 1.361.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 430.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc đại diện là Nguyễn Công T và Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn Hải, trú quán: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu vay số tiền 80.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 600.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L trả cho chị Vì Thị Thu H số tiền đã thu lời bất chính là 2.666.754 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị L đã trả cho anh Hà Trung P số tiền đã thu lời bất chính là 28.315.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

Đối với các khoản tiền Vì Thị Thu H còn nợ Nguyễn Thị L là 430.000.000 đồng và 570.000.000 đồng đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự riêng khi Nguyễn Thị L có yêu cầu.

4. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Trung P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đơn ông P nhất trí với việc bị cáo L đã bồi thường cho ông số tiền 28.315.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hà Trung P.

[2] *Về tội danh:* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, do hám lợi nên từ ngày 02/6/2020 đến ngày 01/8/2020 L đã cho Vì Thị Thu H và Hà Trung P vay số tiền 610.000.000 đồng, lấy lãi 86.000.000 đồng, mục đích nhằm thu lời bất chính. Lời khai của bị cáo không có nội dung gì thay đổi so với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn tố giác tội phạm; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; biên bản khám xét; biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; kết luận giám định số 459 ngày 03/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thị L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trong thời gian từ ngày 02/6/2020 đến ngày 01/8/2020 L đã có hành vi cho Vì Thị Thu H và Hà Trung P vay số tiền 610.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/ năm đến 182,5%/năm, cao hơn từ 7,3 lần đến 9,1 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa là 20% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự số tiền lãi L được phép thỏa thuận với H và P tối đa 20%/ năm là 12.033.246 đồng, nhưng L đã lấy lãi 86.000.000 đồng, mục đích nhằm thu lời bất chính số tiền 73.967.745 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Trung P số tiền đã thu lời bất chính là 28.315.000 đồng; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Đức Vinh là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến Hạng nhất nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có đơn xin được cải tạo giáo dục tại địa phương được chính quyền xác nhận.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, giao bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

[4] Về hình phạt bổ sung và việc khấu trừ thu nhập:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) và việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án:

[5.1] Đối với số tiền gốc bị cáo L cho vay xác định là phương tiện phạm tội, cần truy thu để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Cần truy thu để sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo L số tiền 210.000.000 đồng (bao gồm: tiền gốc 70.000.000 đồng cho H vay ngày 06/6/2020; 50.000.000 đồng cho H vay ngày 02/6/2020; 90.000.000 đồng cho P vay ngày 18/7/2020).

- Đối với khoản tiền H vay L ngày 01/8/2020 là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên L chỉ đưa cho H 350.000.000 đồng, L giữ lại 50.000.000 đồng khấu trừ trước tiền lãi). Số tiền vay gốc này H chưa trả cho L. Vì vậy, cần truy thu đối với Bị Thị Thu H để sung ngân sách nhà nước số tiền gốc vay 350.000.000 đồng.

[5.2] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm là 12.033.246 đồng (bao gồm: 219.178 đồng của khoản H vay 50.000.000 đồng ngày 02/6/2020; 115.068 đồng của khoản H vay 70.000.000 đồng ngày 06/6/2020; 7.014.000 đồng của khoản H vay 400.000.000 đồng ngày 01/8/2020; 4.685.000 đồng của khoản P vay 90.000.000 đồng ngày 18/7/2020). Số tiền lãi trên tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời để bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm thì cần truy thu để sung ngân sách nhà nước khoản tiền này.

[5.3] Đối với khoản vay gốc 400.000.000 đồng L cho H vay ngày 01/8/2020, L giữ lại số tiền lãi là 50.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lời bất chính là 42.986.000 đồng.

Cần xác định 42.986.000 đồng là khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần truy thu đối với bị cáo L số tiền 42.986.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[5.4] Đối với số tiền 39.000.000 đồng thu giữ khi khám xét tại nhà ở của L. Quá trình điều tra xác định đó là tiền do Nguyễn Thị Huệ C gửi. Ngày 26/02/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã ra quyết định giao trả cho C quản lý sử dụng là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[5.5] Đối với 01 bản tự khai của Nguyễn Thị L đề ngày 19/10/2020; 01 đơn khởi kiện của Nguyễn Thị L đề ngày 29/7/2020 thu giữ khi khám xét nhà L là chứng cứ của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 1.361.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 430.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc đại diện là Nguyễn Công T và Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn Hải, trú quán: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu vay số tiền 80.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 600.000.000 đồng thu giữ khi khám xét nhà L. Xét các tài liệu trên là giấy tờ thể hiện giao dịch dân sự vay

tiền hợp pháp của bị cáo, không liên quan gì đến tội phạm, do vậy cần tuyên trả cho bị cáo quản lý sử dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: “*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực*”. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo L thu lợi bất chính của người vay nên cần trả lại cho người vay tiền là chị Vì Thị Thu H và anh Hà Trung P. Cụ thể:

- Buộc bị cáo L trả cho chị Vì Thị Thu H số tiền đã thu lời bất chính là 2.666.754 đồng (Trong đó: 1.781.822 đồng của số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 02/6/2020; 884.932 đồng của số tiền vay gốc 70.000.000 đồng ngày 06/6/2020).

- Đối với số tiền bị cáo L đã thu lời bất chính của anh Hà Trung P là 28.315.000 đồng (đối với số tiền vay gốc 90.000.000 đồng ngày 18/7/2020), bị cáo L đã trả đủ cho anh P số tiền trên nên cần chấp nhận.

Đối với việc bị cáo L vay của chị Nguyễn Thị Huệ C số tiền 700.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định C không biết việc L dùng số tiền đó cho H vay, C không đề nghị giải quyết việc vay nợ giữa C và L nên Hội đồng xét xử không đề cập đến việc giải quyết.

Đối với các giấy tờ thu giữ khi khám xét nhà L gồm: 01 giấy biên nhận ghi việc đại diện là Nguyễn Công T và Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn Hải, trú quán: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu vay số tiền 80.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Trảng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Trảng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 600.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định các giao dịch dân sự vay tiền trên là đúng quy định của pháp luật, không liên quan đến tội phạm, nên không đề cập đến việc giải quyết trong vụ án này.

Đối với việc từ đầu tháng 6/2020 đến ngày 04/9/2020 L còn cho H vay tiền nhiều lần, tính đến ngày 04/9/2020 H còn nợ L là 570.000.000 đồng. Ngày 04/9/2020 L cộng hai khoản 570.000.000 đồng và 400.000.000 đồng (vay ngày 01/8/2020) thành 970.000.000 đồng, L tính lãi đến ngày 16/11/2020 là 391.000.000 đồng và yêu cầu H nhận nợ và viết giấy biên nhận 1.361.000.000 đồng, nhưng L chưa thu số tiền lãi 391.000.000 đồng nên xác định chưa thu lời bất chính. Ngoài ra, ngày 28/9/2020 H còn vay của L số tiền 430.000.000 đồng, L tính lãi suất là 1%/ 1 tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các khoản vay gốc H nợ L là 430.000.000 đồng và 570.000.000 đồng bị cáo L có đơn yêu cầu Tòa án không giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự riêng khi bị cáo có yêu cầu. Tại phiên tòa chị Vì Thị Thu H nhất trí

tách hai khoản nợ 430.000.000 đồng và 570.000.000 đồng ra giải quyết bằng vụ án dân sự riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các khoản nợ trên trong vụ án này.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2021 đến ngày 10/02/2021 là 28 ngày. Quy đổi 28 ngày bị tạm giữ, tạm giam thành 84 ngày cải tạo không giam giữ (= 2 tháng 24 ngày).

Bị cáo còn phải chấp hành 09 (Chín) tháng, 06 (Sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Thời hạn chấp hành cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La và gia đình có trách nhiệm phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị L để sung ngân sách nhà nước các khoản tiền sau: 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) khoản tiền vay

gốc; 12.033.246 đồng (Mười hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng) tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/ năm; 42.986.000 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội. Tổng cộng số tiền truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị L là 265.019.246 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu không trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

- Truy thu đối với chị Vì Thị Thu H để sung ngân sách nhà nước khoản tiền vay gốc là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả số tiền 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Huệ C quản lý sử dụng.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 bản tự khai của Nguyễn Thị L đề ngày 19/10/2020; 01 đơn khởi kiện của Nguyễn Thị L đề ngày 29/7/2020.

- Trả lại cho Nguyễn Thị L 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 1.361.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc L cho H vay số tiền 430.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận ghi việc đại diện là Nguyễn Công T và Nguyễn Thị L cho Nguyễn Văn Hải, trú quán: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu vay số tiền 80.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 400.000.000 đồng; 01 hợp đồng thế chấp vay tài sản giữa T – L cho Nguyễn Thị T và Đỗ Tràng T, trú quán: Tiểu khu xx, thị trấn N vay số tiền 600.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L trả cho chị Vì Thị Thu H số tiền đã thu lời bất chính là 2.666.754 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị L đã trả cho anh Hà Trung P số tiền đã thu lời bất chính là 28.315.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND thị trấn NTMC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lương Long Bình